

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **359** /2017/HSPT

Ngày: 12- 12 -2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Ngô Tấn Lợi**.

Các Thẩm phán: Ông **Đinh Chí Tâm**

Bà **Nguyễn Thị Mai**

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:

Ông **Nguyễn Tấn Nghĩa** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà:

Bà **Nguyễn Kim Hóa** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 287/2017/HSPT ngày 13 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thị C (Loan) và các đồng phạm.

Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C (Loan), Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L (Mười Mập), Nguyễn Tuấn D (D Trắng), Trần Thị B (Tư Củ Cải), Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T (Nga), Thái Thị Bích N (Linh), Lục Chánh S (Chầy), Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D (Cúc), Nguyễn Kim P1, Nguyễn Thị L1, Trần Thị B1 (B1 Đầu Vàng); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Thị C (Loan)**, sinh năm 1975; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Số 6xx, ấp P2, xã T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Văn B2, sinh 1948 (đã chết) và bà Lâm Thu H2, sinh năm 1950;
Anh, chị, em: có 02 người, lớn sinh năm 1971, nhỏ sinh năm 1973;
Tiền sự, tiền án: Không;
Tạm giữ: Ngày 23/02/2017; Tạm giam: Ngày 04/3/2017;
Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp và có mặt tại phiên tòa.

2. **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1971; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Số 2x, ấp T2, xã T3, huyện C1, Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Mua bán;
Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông: Huỳnh Văn Đ, sinh 1941 và bà Nguyễn Thị B3, sinh 1943 (đã chết);
Chồng tên: Nguyễn Tấn H3, sinh năm 1966;
Có 02 người con: Lớn sinh năm 1993 và nhỏ sinh năm 1998;
Anh, chị, em: có 07 người, lớn nhất sinh 1962, nhỏ nhất sinh năm 1976;
Tiền sự, tiền án: Không;
Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;
Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Thị Kim L (Mười mậ)**, sinh năm 1971; Nơi sinh: Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Ấp T, xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa (học vấn): 9/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1920 (đã chết) và bà Trần Thị S2, sinh năm 1925 (đã chết);
Chồng tên: Nguyễn Văn T4, sinh năm 1972 (không có đăng ký kết hôn);

Có 01 người con tên: Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1998;
Anh, chị, em: có 04 người, lớn nhất sinh 1948, nhỏ nhất sinh năm 1968
Tiền sự, tiền án: Không;
Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;
Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Tuấn D (D Trắng), sinh năm 1974; Nơi sinh: Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Số 4xx, khóm T3, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Văn L2, sinh năm 1948 và bà Trần Thị B, sinh năm 1948;
Vợ tên: Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1978;
Có 01 người con tên: Nguyễn Thái C, sinh năm 2002;
Anh, chị, em: có 09 người, lớn nhất sinh 1966, nhỏ nhất sinh năm 1984;
Tiền sự, tiền án: Không;
Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;
Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

5. Trần Thị B (Tư Củ Cải), sinh năm 1966;
Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: 2xx, ấp P, xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Mua bán;
Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Trần Văn N1, sinh năm 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T5, sinh năm 1945;
Chồng tên: Huỳnh Liêm P, sinh năm 1961;
Có 01 người con tên: Huỳnh Thị Mỹ L, sinh năm 1987;
Anh, chị, em: có 09 người, lớn nhất sinh 1965, nhỏ nhất sinh năm 1983;
Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

6. **Hồ Xuân H**, sinh năm 1974; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: 3xx, ấp T2, xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 11/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vô danh và bà Hồ Xuân H4, sinh năm 1938;

Chồng tên: Trần Mã H5, sinh năm 1971 (không có đăng ký kết hôn);

Có 2 người con: Lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2007;

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

7. **Nguyễn Thị T (Nga)**, sinh năm 1979; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Số 8xx, Lô A, ấp P, xã T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 5/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn N2, sinh 1951 và bà Nguyễn Thị N3, sinh năm 1952;

Chồng tên: Bùi Quang H6, sinh năm 1972;

Con có 02 người tên: Bùi Thị Kim N, sinh năm 2000 và Bùi Quang C, sinh năm 2005;

Anh, chị, em: có 03 người, lớn nhất sinh 1977, nhỏ nhất sinh năm 1987;

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

8. **Nguyễn Thị Bích N (Linh)**, sinh năm 1986; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Số 13xx, ấp Đ, xã D1, huyện L3, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Thái Hữu T6, sinh 1965 và bà Nguyễn Thị Thanh T7, sinh 1965;

Chồng tên: Lê T, sinh năm 1982; Con: 02 người, lớn sinh năm 2002 và nhỏ sinh năm 2017; Anh, chị, em: có 01 người, sinh năm 1988;

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

9. Lục Chánh S (Chấy), sinh năm 1982; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Khóm 1, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Lục K1, sinh 1954 và bà Dương Thị Bé N3, sinh năm 1956;

Vợ tên: Phan Ngọc H, sinh năm 1981; Con: 01 người tên Lục Tấn P, sinh năm 2005; Anh, chị, em: có 02 người, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1979;

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại.

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

10. Nguyễn Văn S1, sinh năm 1985; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;

Nơi cư trú: Ấp C2, xã T8, huyện T9, Đồng Tháp;

Chỗ ở: 2xx, ấp T, xã T10, huyện L3, Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Mua bán; Trình độ văn hóa (học vấn): 3/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn C3, sinh 1955 (đã chết) và bà Nguyễn Thị S3, sinh 1956;

Vợ tên: Nguyễn Thị Kim E, sinh năm 1982;

Có 02 người con: Lớn sinh năm 2008, nhỏ sinh năm 2009;

Anh, chị, em: có 03 người, lớn nhất sinh 1975, nhỏ nhất sinh năm 1980;

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

11. Huỳnh Ngọc Thúy D1 (Cúc), sinh năm 1973; Nơi sinh: Đồng Tháp
Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Huỳnh Ngọc A1, sinh 1952 (đã chết) và bà Lê Thị Kim L4, sinh 1952;
Chồng tên: Ngô Doãn L5, sinh năm 1973;
Có 03 người con: Lớn nhất sinh năm 1997 và nhỏ nhất sinh năm 2009;
Anh, chị, em: có 06 người, lớn nhất sinh 1968, nhỏ nhất sinh năm 1984;
Tiền sự, tiền án: Không;
Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;
Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

12. Nguyễn Kim P1, sinh năm 1969; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Chỗ ở: khóm T3, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ văn hóa (học vấn): 7/12;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Tạ Trinh T11, sinh 1949 (đã chết) và bà Nguyễn Thị P, sinh 1951;
Chồng tên: Đặng Trúc V, sinh năm 1967
Có 03 người con: Lớn nhất sinh năm 1989 và nhỏ nhất sinh năm 1998;
Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không;
Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;
Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

13. Nguyễn Thị L1, sinh năm 1971; Nơi sinh: tỉnh Đồng Tháp;
Nơi cư trú: Số 6xx, ấp P2, xã T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;
Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ;
Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;
Con ông Nguyễn Văn B2, sinh 1948 (đã chết) và bà Lâm Thu H2, sinh năm 1950;
Anh, chị, em: có 02 người, lớn sinh năm 1973, nhỏ sinh năm 1975;

Tiền sự, tiền án: Không; Tạm giữ, tạm giam: Không;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

14. Trần Thị B1 (B1 Đầu Vàng), sinh năm 1973; Nơi sinh: Đồng Tháp;

Nơi cư trú: ấp P, xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp;

Nghề nghiệp: Làm vườn; Trình độ văn hóa (học vấn): 4/12;

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn N4, sinh 1941 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T12, sinh 1945;

Chồng tên: Nguyễn Minh C, sinh năm 1972;

Có 01 người con tên: Nguyễn Công M, sinh năm 1995;

Anh, chị, em: có 09 người, lớn nhất sinh 1965, nhỏ nhất sinh năm 1983

Tiền sự, tiền án: Không;

Tạm giữ: Ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017 được tại ngoại;

Áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú;

Hiện bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có kháng cáo:**

Nguyễn Thị Thúy H1, sinh năm 1978 (có mặt);

Cư trú tại: khóm T3, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp;

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn D:**

Ông **Nguyễn Hồng Thanh** là Luật sư của Văn phòng luật sư Hồng Thanh – thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

*** Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L1:**

Ông **Nguyễn Văn Tuấn** là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Văn Tuấn - thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Tháp (có mặt);

Ngoài ra, trong vụ án bị cáo Ngô Thị C4; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Quốc T13, Nguyễn Thanh H7, Mai Văn T14, Huỳnh Liêm P4, Đặng Văn L6 không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố S và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố S thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị C do không có tiền chi tiêu trong sinh hoạt cá nhân và gia đình nên C thỏa thuận với Nguyễn Kim P1 thuê hộ số 35xx, khóm T3, phường A, thành phố S do P1 đang quản lý, trông giữ để làm địa điểm cho người khác tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền thì được P1 đồng ý, sau đó C kêu Nguyễn Thị L1 (chị của C) làm nhiệm vụ cảnh giới, cụ thể:

Vào khoảng 09 giờ ngày 22/02/2017, C điện thoại thông báo cho P1 biết là sẽ đến hộ số 35xx để đánh bài và thỏa thuận C sẽ thuê phòng số 2 của hộ số 35xx, mỗi lần thuê sẽ trả cho P1 1.000.000 đồng. Riêng P1 còn thu thêm tiền giữ xe mô tô của những người tham gia đánh bài với số tiền 20.000 đồng/01 xe, đồng thời nếu ai có nhu cầu ăn, uống thì P1 sẽ bán thu tiền. Sau đó, C điện thoại hoặc nhắn tin cho nhiều người như: Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Ngô Thị C4, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Trần Thị B1, trong đó cũng có người biết việc C tổ chức cho người khác đánh bài nên tự hỏi địa điểm đến tham gia đánh bạc. C quy định mỗi người đến tham gia đánh bài phải nộp cho C 150.000 đồng và người nào làm cái thắng thì sẽ nộp cho C số tiền 50.000 đồng. Đồng thời để tránh mọi người và cơ quan chức năng phát hiện, cũng như thuận lợi cho việc đánh bài, C đã mua sẵn 03 bộ bài tây loại 52 lá/bộ để cho những người đánh bạc sử dụng và 01 chuông báo động hiệu Expert để tại phòng đánh bạc, 01 dụng cụ bấm chuông hiệu Expert giao cho L1 giữ để bấm chuông báo động cho những người tham gia đánh bài biết khi có Công an đến.

Hình thức đánh bài là do: Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B làm cái xoay vòng, mỗi vòng từ 01 đến 06 ván bài gồm: bài bình Ấn Độ (mỗi tụ 06 lá), bài ngẫu hằm (mỗi tụ 05 lá), bài cào (mỗi tụ 03 lá), mỗi tụ đặt 01 ván thấp nhất là 500.000 đồng, cao nhất là 2.000.000 đồng.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, P làm cái 02 ván bài cào sau cùng thì C cũng tham gia đặt tụ cùng những người khác như sau: C đặt 1.000.000 đồng (trong đó C 900.000 đồng, D1 ké 100.000 đồng), D, B, H, S, mỗi người đặt một tụ 2.000.000 đồng, L, C4, N, S1, mỗi người đặt một tụ 1.000.000 đồng, T không đặt tụ mà ké vào tụ cái của P 1.000.000 đồng. Sau khi tính toán ăn thua xong, P chuẩn bị tiếp

tục làm cái ván thứ ba thì bị Công an thành phố S phối hợp với Công an phường A, thành phố S bắt quả tang và thu giữ các tang vật tại phòng số 2 hộ số 35xx gồm:

- Số tiền 91.050.000 đồng; 03 bộ bài tây loại 52 lá (01 bộ màu đỏ, 01 bộ màu xanh, 01 bộ màu xám).

- 01 chuông báo động hiệu Expert màu trắng; 01 cái rổ nhựa màu xanh.

- 01 chiếc chiếu; 01 cái túi vải màu xanh và tại hành lang hộ số 35/34 một dụng cụ bấm chuông hiệu Expert màu trắng.

Ngoài ra, Công an còn tạm giữ một số tài sản, đồ vật của các bị cáo như sau:

1. Nguyễn Thị C: số tiền 4.940.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu trắng số IMEI: 355677072206432;

2. Huỳnh Thị P: số tiền 9.800.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng số IMEI: 353650/06/121014/7, 01 xe mô tô màu vàng nâu biển số 66S1-216.xx, số máy: JF51E0278711, số khung: 5124FY040608, loại SH MODE (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Huỳnh Thị P).

3. Nguyễn Thị Kim L: số tiền 72.500.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Mobistar màu trắng IMEI: 352208021476109, 01 xe mô tô màu đỏ đen biển số 66N8-64xx, số máy: 5P11-233444, số khung: AY233443, loại NOUVO (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Kim L).

4. Nguyễn Tuấn D: số tiền 32.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu trắng, số Sê-ri: 358583065302484, một xe mô tô màu đỏ đen trắng biển số 66S1-117.xx, số máy: 46E-4042703, số khung: 4604DY220427, loại AIRBLADE (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thúy H1).

5. Trần Thị B: số tiền 110.450.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số IMEI: 353689087259548, một xe mô tô màu xanh đen biển số 66H3-75xx, số máy: C355-0030973, số khung: 50X5Y-030928, loại FUTURE II (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Đặng Văn L6).

6. Hồ Xuân H: số tiền 6.800.000 đồng, một xe mô tô màu trắng biển số: 66C1-131.xx, số máy: 23C1-074384, số khung: 10DY-074384, loại MIO 23C1 (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Hồ Xuân H).

7. Ngô Thị C4: số tiền 17.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ đen, số IMEI: 351723/06/032716/2, một xe mô tô màu đen đỏ biển số 66C1-

033.xx, số máy: 27E-0822649, số khung: BY755454, loại AIRBLADE (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Ngô Thị C4).

8. Nguyễn Thị T: số tiền 49.700.000 đồng, 01 điện thoại di động Samsung Galaxy J5 màu vàng, số IMEI: 352700/07/660372/8, một xe mô tô màu đỏ bạc đen biển số 66S1-009.xx, số máy: 27E-0581948, số khung: 1804AY558966, loại AIRBLADE (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị T).

9. Thái Thị Bích N: số tiền 5.500.000 đồng, 01 điện thoại di động Land Rover màu đen, Model: Xp3300, số IMEI: 356233531455050, một xe mô tô màu đen xám biển số 66L1-026.xx, số máy: FMH-N-045375, số khung: UMAXP-45375, loại C110E (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thanh H7).

10. Lục Chánh S: số tiền 81.278.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen, số Sê-ri: 35888907504126, 01 điện thoại di động iPhone màu vàng, số IMEI: 355766079052392, một xe mô tô màu trắng đỏ đen biển số 66S1-170.xx, số máy: APE-0035785, số khung: AP-0035785, loại AIRBLADE (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lục Chánh S).

11. Nguyễn Văn S1: số tiền 25.350.000 đồng, 01 điện thoại di động Nokia màu đen Model: N1280, số Sê-ri: 356317052250758.

12. Huỳnh Ngọc Thúy D1: số tiền 7.000.000 đồng, 01 điện thoại di động iPhone màu vàng, số IMEI: 013887001619613, một xe mô tô màu xám biển số 66L1-207.xx, số máy: JF45E0151256, số khung: 4502DY090424, loại LEAD (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Huỳnh Ngọc Thúy D1).

13. Nguyễn Kim P1: số tiền 5.376.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu đen, số IMEI: 012416008211520.

14. Nguyễn Thị L1: 01 điện thoại di động hiệu iPhone màu trắng, số IMEI: 013591006324266, một xe đạp hiệu Lusia màu trắng, một xe mô tô màu đỏ đen biển số 66S1-168.xx, số máy: 5C6H-046550, số khung: HOEY-046527, loại SIRIUS (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị L1).

15. Trần Thị B1: 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, số IMEI: 353697073332468.

Ngoài ra, Công an còn thu giữ một xe mô tô màu nâu biển số 66P1-509.xx, số máy: LKZS150FMG2000133286, số khung: VLKDCG014LK133268, loại LISOHAKA của Đặng Thế V để điều tra làm rõ.

Trong quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận ngoài ván bài P làm cái bị Công an bắt quả tang như trên thì trước đó P, L, D, B còn thay phiên nhau đặt cược và làm cái nhiều ván bài khác cho những người tham gia đặt cược gồm: H, C4, T, N, S, S1, D1, mỗi tụ đặt từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng.

Riêng đối với B1, khi D làm cái thì ké tụ của B 50.000 đồng và ké dùm cho D1 500.000 đồng nhưng không nhớ rõ do ai làm cái, tổng số tiền đánh bạc trong ván có B1 tham gia là trên 5.000.000 đồng, sau đó B1 nghỉ không tham gia tiếp.

Các bị cáo cũng khai nhận vào ngày 22/02/2017, các bị cáo sử dụng số tiền tham gia đánh bạc cụ thể như sau: C 4.000.000 đồng, P 10.000.000 đồng, L 5.200.000 đồng, D 4.700.000 đồng, B 4.000.000 đồng, H 11.000.000 đồng, C4 6.000.000 đồng, T 4.400.000 đồng, N 3.000.000 đồng, S 3.778.000 đồng, S1 500.000 đồng, D1 700.000 đồng, B1 50.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 57.328.000 đồng.

Ngoài ra, C, P1 còn khai nhận ngoài lần bị Công an bắt quả tang thì trong khoảng thời gian từ Tết Nguyên Đán năm 2017 đến trước ngày 22/02/2017, C đã thỏa thuận với P1 thuê phòng số 2 hộ 35xx để cho nhiều người khác tham gia đánh bài ăn thua bằng tiền trót lọt ba lần, nhưng do các lần đánh bạc này số lượng người tham gia đánh bạc không nhiều, C thu tiền xâu ít, trong đó:

- Lần đầu: C thu được số tiền 1.800.000 đồng, trả tiền thuê phòng cho P1 1.000.000 đồng.

- Lần hai: C thu được số tiền 1.500.000 đồng, trả cho P1 700.000 đồng.

- Lần ba: C thu được số tiền 1.500.000 đồng, trả cho P1 500.000 đồng, không nhớ rõ cụ thể những người tham gia chơi đánh bài và ăn thua như thế nào.

Qua điều tra, xác minh, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố S đã hoàn trả:

- 01 xe mô tô màu nâu biển số 66P1-509.xx, số máy: LKZS150FMG2000133286, số khung: VLKDCG014LK133268, loại LISOHAKA cho anh Đặng Thế V.

- 01 xe mô tô màu đỏ bạc đen biển số 66S1-009.xx, số máy: 27E-0581948, số khung: 1804AY558966, loại AIRBLADE cho ông Mai Văn T14 (xe T bán cho ông T14 sau đó T thuê lại để sử dụng).

- 01 xe mô tô màu đen xám biển số 66L1-026.xx, số máy: FMH-N-045375, số khung: UMAXP-45375, loại C110E cho anh Trần Quốc T13 (N thuê xe của anh T13 sử dụng).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 34/2017/HSST ngày 01 tháng 9 năm 2017, Toà án nhân dân thành phố S đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Ngô Thị C4, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Trần Thị B1 phạm tội “Đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Kim P1, Nguyễn Thị L1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

* Về hình phạt chính:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*) về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C mức án 01 năm 06 tháng tù (*Một năm sáu tháng tù*) về tội “Tổ chức đánh bạc”.

- Áp dụng Điều 50 của Bộ luật Hình sự:

+ Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc” là 03 năm 06 tháng tù (*Ba năm sáu tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2017 (ngày tạm giữ).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị P mức án 03 năm tù (*Ba năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L mức án 03 năm tù (*Ba năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn D mức án 03 năm tù (*Ba năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B mức án 03 năm tù (*Ba năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt: Bị cáo Hồ Xuân H mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Ngô Thị C4 mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Thái Thị Bích N mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Lục Chánh S mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S1 mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc Thúy D1 mức án 02 năm tù (*Hai năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim P1 mức án 01 năm tù (*Một năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 mức án 01 năm tù (*Một năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B1 mức án 03 tháng tù (*Ba tháng tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05 tháng 9 năm 2017, bị cáo Lục Chánh S có đơn kháng cáo với dung xin được cải tạo không giam giữ và xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 66S1 – 170.xx.

Ngày 11 tháng 9 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị C có đơn kháng cáo với nội dung với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Huỳnh Thị P có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Trần Thị B1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, các bị cáo Trần Thị B, Thái Thị Bích N, Nguyễn Thị L1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017, bị cáo Nguyễn Thị Kim L có đơn kháng các xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo, xin nhận lại 01 xe mô tô biển số 66N8-64xx; bị cáo Nguyễn Tuấn D và bị cáo Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo với nội dung với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; bị cáo Hồ Xuân H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo và xin nhận lại chiếc xe mô tô 66C1 – 131.xx; các bị cáo Nguyễn Văn S1, Nguyễn Kim P1 có đơn kháng cáo

với nội dung xin hưởng án treo; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 có đơn kháng cáo với nội dung xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 66S1 - 117.xx.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017, bị cáo Huỳnh Ngọc Thúy D1 có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo;

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm c, d, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự,

Sửa bản án hình sự sơ thẩm về hình phạt: chấp nhận kháng cáo của bị cáo bị cáo Nguyễn Thị C (Loan), Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L (Mười Mập), Nguyễn Tuấn D (D Trắng), Trần Thị B (Tư Củ Cải), Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T (Nga), Thái Thị Bích N (Linh), Lục Chánh S (Chầy), Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1 (Cúc), Nguyễn Kim P1, Nguyễn Thị L1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt, do tại phiên tòa các bị cáo cung cấp tình tiết mới đủ cơ sở giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, tuy nhiên không cho các bị cáo được hưởng án treo. Đồng thời chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị B1 (B1 Đầu Vàng) xin được hưởng án treo theo quy định Điều 60 Bộ luật hình sự, do vai trò bị cáo tham gia không đáng kể trong vụ án;

Sửa xử bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng: Hoàn trả các xe mô tô đã thu giữ của các bị cáo lại cho các bị cáo. Chấp nhận kháng cáo của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 về việc xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 66S1 - 117.xx.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn D trình bày lời bào chữa cho rằng bị cáo đã ăn năn hối cải, nộp phạt bổ sung và án phí hình sự sơ thẩm xong, có thân nhân bác bị cáo Nguyễn Văn B là liệt sĩ, bị cáo đã từng bị bệnh lao và đang điều trị bệnh trầm cảm. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức thấp nhất và xem xét hoàn trả xe mô tô cho bị cáo để trả lại cho vợ bị cáo là chị Nguyễn Thị Thúy H1.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L1 trình bày lời bào chữa cho rằng bị cáo có hoàn cảnh hết sức khó khăn đang nuôi mẹ già bị bệnh tai biến đang bị liệt, hiện nay em bị cáo là bị cáo Nguyễn Thị C đang bị giam, nếu áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo L1 thì không còn ai phụng dưỡng mẹ bị cáo là bà

Lâm Thu H2 đang bị bệnh tai biến, bị liệt, ngoài ra bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu chưa có tiền án, tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo theo tinh thần Nghị quyết số 01/2013/NQ-HĐTP năm 2013 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác,

XÉT THẤY:

Vào khoảng 09 giờ ngày 22/02/2017, bị cáo Nguyễn Thị C điện thoại cho bị cáo Nguyễn Kim P1 biết là sẽ đến hộ số 35xx, khóm T3, phường A, thành phố S do bị cáo P1 đang quản lý, trông giữ để đánh bài và thỏa thuận sẽ thuê phòng số 2 và trả tiền thuê là 1.000.000 đồng/ 01 lần thuê. Khi được bị cáo P1 đồng ý, bị cáo C điện thoại hoặc nhắn tin cho các bị cáo khác đến để tham gia đánh bạc. Bị cáo C quy định mỗi người đến tham gia đánh bài phải nộp cho bị cáo C 150.000 đồng và người nào làm cái thắng thì sẽ nộp thêm số tiền 50.000 đồng. Đồng thời để tránh mọi người và cơ quan chức năng phát hiện, cũng như thuận lợi cho việc đánh bài, bị cáo C đã mua sẵn 03 bộ bài tây loại 52 lá/bộ để cho những người đánh bạc sử dụng và 01 chuông báo động hiệu Expert để tại phòng đánh bạc, 01 dụng cụ bấm chuông hiệu Expert phân công cho bị cáo L1 giữ để bấm chuông báo động cho những người tham gia đánh bài biết khi có Công an đến.

Hình thức đánh bài là do các bị cáo: Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B làm cái xoay vòng, mỗi vòng từ 01 đến 06 ván bài gồm: bài binh Ấn Độ (mỗi tụ 06 lá), bài ngẫu hằm (mỗi tụ 05 lá), bài cào (mỗi tụ 03 lá), mỗi tụ đặt 01 ván thấp nhất là 500.000 đồng, cao nhất là 2.000.000 đồng, các bị cáo Hồ Xuân H, Ngô Thị C4, Nguyễn Thị T (Nga), Thái Thị Bích N (Linh), Lục Chánh S (Chầy), Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1 (Cúc), Trần Thị B1 và Nguyễn Thị C tham gia đặt tụ hoặc ké tụ. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, khi bị cáo P làm cái 02 ván bài cào sau cùng thì bị cáo C cũng tham gia đặt tụ cùng những người khác thì bị Công an thành phố S phối hợp với Công an phường A, thành phố S bắt quả tang và thu giữ các tang vật. Vào ngày 22/02/2017, các bị cáo sử dụng số tiền tham gia đánh bạc cụ thể như sau: bị cáo C 4.000.000 đồng, bị cáo P

10.000.000 đồng, bị cáo L 5.200.000 đồng, bị cáo D 4.700.000 đồng, bị cáo B 4.000.000 đồng, bị cáo H 11.000.000 đồng, bị cáo C4 6.000.000 đồng, bị cáo T 4.400.000 đồng, bị cáo N 3.000.000 đồng, bị cáo S 3.778.000 đồng, bị cáo S1 500.000 đồng, bị cáo D1 700.000 đồng, bị cáo B1 50.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 57.328.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, nếp sống văn minh của xã hội, gây mất trật tự trị an, làm cho con người đam mê cờ bạc, chây lười lao động, có lối sống buông thả, gây ảnh hưởng xấu đến chính sách của Nhà nước trong việc đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Phần lớn các bị cáo đều trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng không lo phần đầu xây dựng gia đình văn hóa, phát triển kinh tế, mà ngược lại các bị cáo lại tổ chức và tụ tập tham gia đánh bạc để sát phạt ăn thua với nhau bằng tiền một cách trái pháp luật. Rõ ràng các bị cáo đã nhận thức được hành vi của bản thân mình là trái pháp luật, bị dư luận xã hội phản ứng nhưng các bị cáo lại cố ý thực hiện nhằm để trục lợi và thỏa mãn nhu cầu cá nhân, xem thường kỷ cương pháp luật.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Nguyễn Thị C, Nguyễn Kim P1 và Nguyễn Thị L1 về tội “*Tổ chức đánh bạc*” và xét xử các bị cáo Nguyễn Thị C, Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1 và Trần Thị B1 về tội “*Đánh bạc*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đã cân nhắc xem xét nhân thân và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Nguyễn Thị C kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Nguyễn Kim P1, Nguyễn Thị L1, Trần Thị B1 vẫn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo, ngoài ra các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Hồ Xuân H và Lục Chánh S còn kháng cáo về việc xin nhận lại xe mô tô. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 kháng cáo xin nhận lại chiếc xe mô tô biển số 66S1 - 117.xx.

Ngoài các tình tiết đã được án sơ thẩm xem xét như trên, sau khi xem xét bổ sung toàn diện các tài liệu, chứng cứ và nhân thân của các bị cáo cùng với nội dung kháng cáo của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét thấy như sau:

- Đối với bị cáo C giữ vai trò chính là tổ chức đánh bạc như thuê phòng của bị cáo P1 và phân công bị cáo L1 cảnh giới bấm chuông báo động khi phát hiện Lực lượng Công an đồng thời tham gia đánh bạc. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (18.200.000đ), cho thấy bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì vậy cần xem xét giảm một phần hình phạt cho bị cáo là phù hợp.

- Đối với bị cáo Huỳnh Thị P và bị cáo Nguyễn Tuấn D tham gia đánh bạc giữ vai trò làm cái sát phạt với nhiều người. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo P và D đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (mỗi bị cáo nộp 10.200.000đ) cho thấy các bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án, bị cáo D có bác là liệt sĩ (ông Nguyễn Văn B), nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo, vì vậy cần xem xét giảm một phần hình phạt cho các bị cáo P và D, tuy nhiên không chấp nhận cho bị cáo P và bị cáo D được hưởng án treo, do không đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định pháp luật.

- Đối với bị cáo Nguyễn Thị Kim L và bị cáo Trần Thị B tham gia đánh bạc giữ vai trò làm cái sát phạt với nhiều người. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo L và B đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (mỗi bị cáo nộp 10.200.000đ) cho thấy các bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra xét thấy bị cáo L và bị cáo B chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, bị cáo L là lao động duy nhất trong gia đình để nuôi con đi học, bị cáo B có sức khỏe yếu, bản thân đang phải điều trị nhiều bệnh như: tiểu đường tip 2, bệnh phụ khoa, thoái hóa cột sống, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên được xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo L và bị cáo B được hưởng án treo. Vì vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo L và B về việc xin hưởng án treo là phù hợp, tuy nhiên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo L về việc xin lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: đỏ

đen, biển số 66N8-64xx, số máy: 5P11-233444, số khung: AY233443, số loại: NOUVO, dung tích: 132cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Kim L) do đây là phương tiện bị cáo dùng để đi phạm tội.

- Đối với các bị cáo Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1 tham gia đánh bạc với vai trò đặt tụ và ké tụ để sát phạt với nhà cái. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo H, T, S đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (mỗi bị cáo nộp 5.200.000đ), cho thấy các bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án. Ngoài ra cần xem xét nhân thân các bị cáo như sau: bị cáo H đã ly hôn chồng là lao động duy nhất trong gia đình đang nuôi hai con nhỏ sinh năm 2004 và 2007 và nuôi mẹ đang bệnh tai biến; bị cáo T đã ly hôn chồng năm 2017 là lao động duy nhất trong gia đình đang nuôi hai con nhỏ sinh năm 2000 và 2005; bị cáo N đang nuôi con nhỏ sinh ngày 04/01/2017 (dưới 36 tháng tuổi), có thân nhân là liệt sĩ; bị cáo S là lao động chính trong gia đình nuôi cha mẹ (cha bị bệnh Parkinson, mẹ bị tiểu đường); bị cáo S1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn là lao động chính trong gia đình nuôi 02 con sinh năm 2008 và 2009, bà nội và cha mẹ, mặt khác số tiền bị cáo S1 sử dụng tham gia đánh bạc không lớn 500.000đ, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy các bị cáo H, T, N, S và S1 chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên được xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo H, T, N, S và S1 về việc xin hưởng án treo là phù hợp, tuy nhiên không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H về việc xin lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: trắng, biển số: 66C1-131.xx, số máy: 23C1-074384, số khung: 10DY-074384, số loại: MIO 23C1, dung tích: 113cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Hồ Xuân H) và không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S về việc xin lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, màu sơn: trắng đỏ đen, biển số 66S1-170.xx, số máy: APE-0035785, số khung: AP-0035785, số loại: AIR BLADE, dung tích: 108cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lục Chánh S) do đây là phương tiện các bị cáo dùng để đi phạm tội.

- Đối với các bị cáo Huỳnh Ngọc Thúy D1 và Trần Thị B1 tham gia đánh bạc với vai trò ké tụ. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo D1 đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (3.200.000đ) cho thấy bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án. Ngoài ra cần xem xét bị cáo D1 là lao

động chính trong gia đình đang nuôi 03 con sinh năm 1997, 2001 và sinh năm 2009, mục đích ban đầu của bị cáo là đến chỗ bị cáo C lấy tiền nợ không phải để đánh bạc, khi thấy đánh bài thì ké tụ 3 lần: 500.000đ, 100.000đ và 100.000đ; Đối với bị cáo B1 tham gia đánh bạc với số tiền thấp chỉ tham gia ké 01 ván bài 50.000đ, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tính nguy hiểm cho xã hội không cao, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự cho các bị cáo. Xét thấy các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt các bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên được xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho các bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo D1 và B1 về việc xin hưởng án treo là phù hợp.

- Đối với bị cáo P1 cho bị cáo C thuê phòng để tổ chức đánh bạc nhằm thu lợi bất chính. Mặc dù sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm (5.200.000đ) được xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, tuy nhiên do tính chất hành vi của bị cáo trong vụ án là nguy hiểm cao, bị cáo đã nhiều lần cho bị cáo C thuê nhà để tổ chức đánh bạc nhằm thu lợi bất chính, án sơ thẩm đã áp dụng mức hình phạt nhẹ cho bị cáo ở đầu khung của khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo P1, giữ nguyên mức án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp.

- Đối với bị cáo L1 có vai trò phối hợp với bị cáo C để tổ chức đánh bạc, cảnh giới bấm chuông khi phát hiện Lực lượng Công an giúp các con bạc an tâm đánh bạc. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm (200.000đ) cho thấy bị cáo có ý thức tốt về việc chấp hành quyết định của Bản án. Ngoài ra cần xem xét bị cáo L1 có vai trò thứ yếu, lần đầu phạm tội, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn đi làm thuê giúp việc nhà, đang nuôi mẹ bị liệt, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét thấy bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc không bắt bị cáo đi chấp hành hình phạt tù không ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh phòng, chống tội phạm, nên được xem xét áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo. Vì vậy chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo L1 về việc xin hưởng án treo là phù hợp.

- Đối với Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 kháng cáo xin nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu: Honda, màu sơn: đỏ đen trắng, biển số 66S1-117.xx, số máy: 46E-4042703, số khung: 4604DY220427, số loại: AIR BLADE, dung tích: 124cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thúy H1), chị H1 xác định đây là tài sản riêng của chị do chị đứng tên quyền sở hữu xe, khi bị cáo Nguyễn Tuấn D lấy đi đánh bạc chị không hay biết, xét thấy trình bày của chị H1 là có cơ sở, nên được chấp nhận. Hoàn trả lại xe cho chị H1 theo yêu cầu kháng cáo của chị.

Đối với đề nghị của của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Tuấn D và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị L1 tại phiên tòa, xét thấy là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay xét thấy là có một phần cơ sở, nên chỉ được Hội đồng xét xử chấp nhận một phần như: giảm nhẹ hình phạt đối với các bị cáo C, P, D và hoàn trả lại xe mô tô cho chị Nguyễn Thị Thúy H1. Tuy nhiên không chấp nhận giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo P1 và không chấp nhận hoàn trả lại xe cho các bị cáo, vì xe là phương tiện mà các bị cáo sử dụng đi đánh bạc; đồng thời xét thấy các bị cáo L, B, H, T, S, N, S1, D1, B1, L1 có đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Điều 60 Bộ luật hình sự, nên cần được áp dụng là phù hợp thể hiện tính chất nhân đạo và phù hợp chính sách mới về hình sự của Nhà nước ta.

Từ cơ sở trên cần sửa án sơ thẩm về phần hình phạt chính và xử lý vật chứng.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Do kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị C (Loan), Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L (Mười Mập), Nguyễn Tuấn D (D Trắng), Trần Thị B (Tư Củ Cải), Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T (Nga), Thái Thị Bích N (Linh), Lục Chánh S (Chầy), Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1 (Cúc), Nguyễn Thị L1, Trần Thị B1 (B1 Đầu Vàng) và Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 được chấp nhận, nên các bị cáo C, P, L, D, B, H, T, N, S, S1, D1, L1 và B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, chị Nguyễn Thị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Riêng bị cáo Nguyễn Kim P1 do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, nên bị cáo phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c, d, đ khoản 1 Điều 249 của Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị C (Loan) về việc xin giảm nhẹ hình phạt;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thị P, Nguyễn Tuấn D (D Trắng) về việc xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo P, D về việc xin hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Kim P1 về việc xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Trần Thị B1 và Nguyễn Thị L1 về việc xin hưởng án treo.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Hồ Xuân H và Lục Chánh S về việc xin nhận lại xe mô tô;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Thúy H1 về việc xin nhận lại xe mô tô;

Sửa bản án sơ thẩm về phần hình phạt chính và xử lý vật chứng;

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị C phạm tội “Đánh bạc” và tội “Tổ chức đánh bạc”; Các bị cáo Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Trần Thị B1 phạm tội “Đánh bạc”; Các bị cáo Nguyễn Kim P1 và Nguyễn Thị L1 phạm tội “Tổ chức đánh bạc”.

** Về hình phạt chính:*

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C 02 năm tù (*Hai năm tù*) về tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị C 01 năm tù (*Một năm tù*) về tội “*Tổ chức đánh bạc*”.

- Áp dụng Điều 50 của Bộ luật hình sự:

+ Tổng hợp hình phạt: Buộc bị cáo Nguyễn Thị C phải chấp hành hình phạt chung của hai tội “*Đánh bạc*” và tội “*Tổ chức đánh bạc*” là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ ngày 23/02/2017.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Thị P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tuấn D 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt (được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 23/02/2017 đến ngày 04/3/2017).

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 248, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Kim L 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

+ Xử phạt: Bị cáo Hồ Xuân H 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị B và Hồ Xuân H cho UBND xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị T 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị T cho UBND xã T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt: Bị cáo Thái Thị Bích N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Thái Thị Bích N cho UBND xã D1, huyện L3, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt: Bị cáo Lục Chánh S 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Lục Chánh S cho UBND phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn S1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Văn S1 cho UBND xã T10, huyện L3, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

+ Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Ngọc Thúy D1 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 04 (bốn) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Huỳnh Ngọc Thúy D1 cho UBND phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Kim P1 01 năm tù (*Một năm tù*). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, điểm p khoản 1, Khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị L1 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 02 (hai) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Nguyễn Thị L1 cho UBND xã T1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

- Áp dụng khoản 1 Điều 248, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 60 của Bộ luật hình sự:

+ Xử phạt: Bị cáo Trần Thị B1 03 (ba) tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách 01 (một) năm, kể từ ngày tuyên án (ngày 12/12/2017).

Giao bị cáo Trần Thị B1 cho UBND xã T3, huyện C1, tỉnh Đồng Tháp giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp các bị cáo Nguyễn Thị Kim L, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Lục Chánh S, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Trần Thị B1 và Nguyễn Thị L1 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

* Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu xung công quỹ Nhà nước gồm:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: đỏ đen, biển số 66N8-64xx, số máy: 5P11-233444, số khung: AY233443, số loại: NOUVO, dung tích: 132cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Kim L);

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Yamaha, màu sơn: trắng, biển số: 66C1-131.xx, số máy: 23C1-074384, số khung: 10DY-074384, số loại: MIO 23C1, dung tích: 113cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Hồ Xuân H);

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, màu sơn: trắng đỏ đen, biển số 66S1-170.xx, số máy: APE-0035785, số khung: AP-0035785, số loại: AIR BLADE, dung tích: 108cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Lục Chánh S);

- Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Thúy H1 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu: Honda, màu sơn: đỏ đen trắng, biển số 66S1-117.xx, số máy: 46E-4042703, số khung: 4604DY220427, số loại: AIR BLADE, dung tích: 124cm³ (kèm theo giấy chứng nhận đăng ký xe tên Nguyễn Thị Thúy H1);

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

- Án phí:

+ Các bị cáo Nguyễn Thị C, Huỳnh Thị P, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Tuấn D, Trần Thị B, Hồ Xuân H, Nguyễn Thị T, Thái Thị Bích N, Lục Chánh S, Nguyễn Văn S1, Huỳnh Ngọc Thúy D1, Nguyễn Thị L1, Trần Thị B1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

+ Bị cáo Nguyễn Kim P1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

+ Chị Nguyễn Thị Thúy H1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh Đồng Tháp;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Phòng KTNV - THATA tỉnh Đồng Tháp;
- Sở Tư pháp Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- VKSND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Trại Tạm giam Công an tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã T3, huyện C1;
- UBND xã T1, thành phố S;
- UBND xã D1, huyện L3;
- UBND phường 1, thành phố S;
- UBND phường 2, thành phố S;
- UBND xã T10, huyện L3;
- Bị cáo, Đương sự;
- Lưu: HSVA (Nghĩa).

(Đã ký)

Ngô Tấn Lợi